TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **425/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Hoàn

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Vũ L, sinh năm 1992; cư trú: Số 219, khóm Phước Quản, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1993; cư trú: Số 219, khóm Phước Quản, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông L nộp đơn xin ly hôn với bà T với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm, thường xảy ra mâu thuẫn tranh cãi. Hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Nay ông xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Có một con chung, Trần Nguyễn Vũ Luân, sinh ngày 06/5/2019 hiện cháu đang sống chung với bà T, ông L không yêu cầu nuôi con chung, để cháu sống với mẹ.

Bà T vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Theo Biên bản xác minh ngày 01/11/2023, bà Đỗ Thị Tuyết Vân – mẹ ruột của ông L cho biết hôn nhân của ông bà đúng như lời ông L trình bày. Sau khi kết hôn ông bà cùng đi làm ở Bình Dương thỉnh thoảng lễ, tết mới về nhà nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không rõ. Khi biết ông L bà T mâu thuẫn trầm trọng nên xin ly hôn thì hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành, bà có liên hệ với bà T để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn nhưng bà T cũng chỉ trả lời rằng là do vợ chồng hết tình cảm, không hợp nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Ông bà còn có 01 con chung hiện nay đang sống với bà T. Nay ông L nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà T có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa ông L và bà T là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của ông L được tòa án

thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay ông L xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do bất đồng quan điểm, thường hay gây nhau, bỏ mặc nhau, không quan tâm, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại ông L xác định là không còn tình cảm với bà T và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với bà T.

Trong thời gian dài hai người không quan tâm nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà T có một con chung tên Trần Nguyễn Vũ Luân, sinh ngày 06/5/2019 hiện cháu đang sống chung với bà T, ông không yêu cầu nuôi con chung, để cháu sống với mẹ.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con, tuy nhiên bà T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà T có yêu cầu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có. Do bà T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này bà T có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vũ L**

Về hôn nhân: Ông Trần Vũ L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 15/5/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Vũ Luân, sinh ngày 06/5/2019 cho bà Nguyễn Thị Bé T nuôi dạy.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà T. Ngược lại, bà T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008605 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông L đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023) các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé T được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi